TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI
Bản án số 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/6/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phùng Thị Tố Trinh
2. Bà Nguyễn Thị Lý

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hương Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn Hưng Phú 1, xã Ia Rsươm, huyện Krông Pa - Gia Lai.(Có mặt).
-*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Đội 3, thôn Chư Đông, xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 08/12/2016. Sau khoảng thời gian chung sống, chị và anh T nhận thấy giữa hai người có nhiều khác biệt trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thường xuyên cãi vã và xảy ra rất nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng phải sống ly

thân từ tháng 10/2017 đến nay. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T trước pháp luật.

Về con: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 12/8/2017. Khi ly hôn với anh Tiễn thì chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục cháu Nguyễn Nhật M, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần và quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con Nguyễn Nhật M, sinh ngày 12/8/2017 cho chị H được trực tiếp trôm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

-*Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn T như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập…theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định

đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai ngày 08/12/2016. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, nên yêu cầu ly hôn của H là chính đáng và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Tiễn trước pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] *Về con:* Chị H và anh T co 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 12/8/2017. Khi ly hôn với anh T thì chị Hạnh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Nhật M. Do vậy, Hội ồng xét xử xét thấy cần giao con Nguyễn Nhật M cho chị Hạnh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con là phù với quy định của pháp luật.

-*Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn chị H về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con chung Nguyễn Nhật M, sinh ngày 12/8/2016 cho chị Phạm Thị H được trực tiếp trôm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, anh Nguyễn văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người người không trực tiếp nuôi con.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án : Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005969 ngày 03/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 22/6/2018), còn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
-VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
-Chi cục THADS huyện (01 bản);
-UBND xã Chư Gu(01 bản);
-Các đương sự (03 bản);
-Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep